

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 50/GP-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Huế về việc cấp Giấy phép môi trường dự án “Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên 120.000m³/ng.đ”;

Xét Văn bản của Công ty Cổ phần Cấp nước Huế số 1918/HWS-CLN ngày 09 tháng 9 năm 2025 về việc đề nghị cấp đổi Giấy phép môi trường dự án “Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên 120.000m³/ng.đ”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 5638/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp nước Huế, địa chỉ số 103, đường Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hoá, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên 120.000m³/ng.đ”

với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên 120.000m³/ng.đ.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Thủy Xuân, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: số 3300101491, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005; thay đổi lần thứ 06 ngày 03 tháng 01 năm 2025 do Sở Tài chính cấp.

1.4. Mã số thuế: 3300101491.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất và kinh doanh nước sạch.

1.6. Phạm vi, công suất, công nghệ của dự án đầu tư:

* Diện tích dự án: nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên được thực hiện tại khu đất có diện tích 13,34233ha (133.423,3m²) thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế (diện tích của Nhà máy hiện hữu là 18.717,6m², diện tích phần mở rộng là 114.705,7m²).

* Công suất: 120.000 m³/ngđ.

* Phạm vi Dự án đề xuất cấp Giấy phép môi trường: Công ty Cổ phần Cấp nước Huế đề xuất cấp phép đối với các hạng mục công trình có phát sinh chất thải quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, phạm vi trong Giấy phép môi trường này cấp phép cho Công ty Cổ phần Cấp nước Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với đối với các hạng mục đảm bảo công suất xử lý nước Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên là 60.000 m³/ngđ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước Huế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm 11 tháng, kể từ ngày ký Quyết định cấp Giấy phép. Giấy phép môi trường số 50/GPMT-UBND cấp ngày 25 tháng 8 năm 2023 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty Cổ phần cấp nước Huế;
- UBND phường Thủy Xuân;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp thành phố;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD, DN;
- Lưu VT, CT.

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 98/GPMT-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt khác (rửa tay chân, vệ sinh sàn nhà,...).
- Nguồn số 03: nước thải từ phòng thí nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Mương thoát nước (cách sông Hương khoảng 200m) sau đó dẫn ra sông Hương, đoạn qua phường Thủy Xuân, thành phố Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: mương thoát nước thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế.
- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°) như sau: X (m) = 1.820.756, Y (m) = 563.761.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 05 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: cường bức và xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT (giá trị C _{max} , cột A, Kq=0,9, Kf=1,2)
1	pH	-	5-9
2	Độ màu	Pt/Co	50
3	COD	mg/l	81
4	BOD ₅	mg/l	32,4
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	54
6	Sunfua	mg/l	0,216
7	Amoni	mg/l	5,4
8	Tổng nitơ	mg/l	21,6

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT (giá trị C_{max} , cột A, $Kq=0,9$, $Kf=1,2$)
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	4,32
10	Fe	mg/l	1,08
11	Cu	mg/l	2,16
12	Zn	mg/l	3,24
13	Pb	mg/l	0,108
14	As	mg/l	0,054
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
16	Coliform	MPN/100ml	3.000

* Ghi chú: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

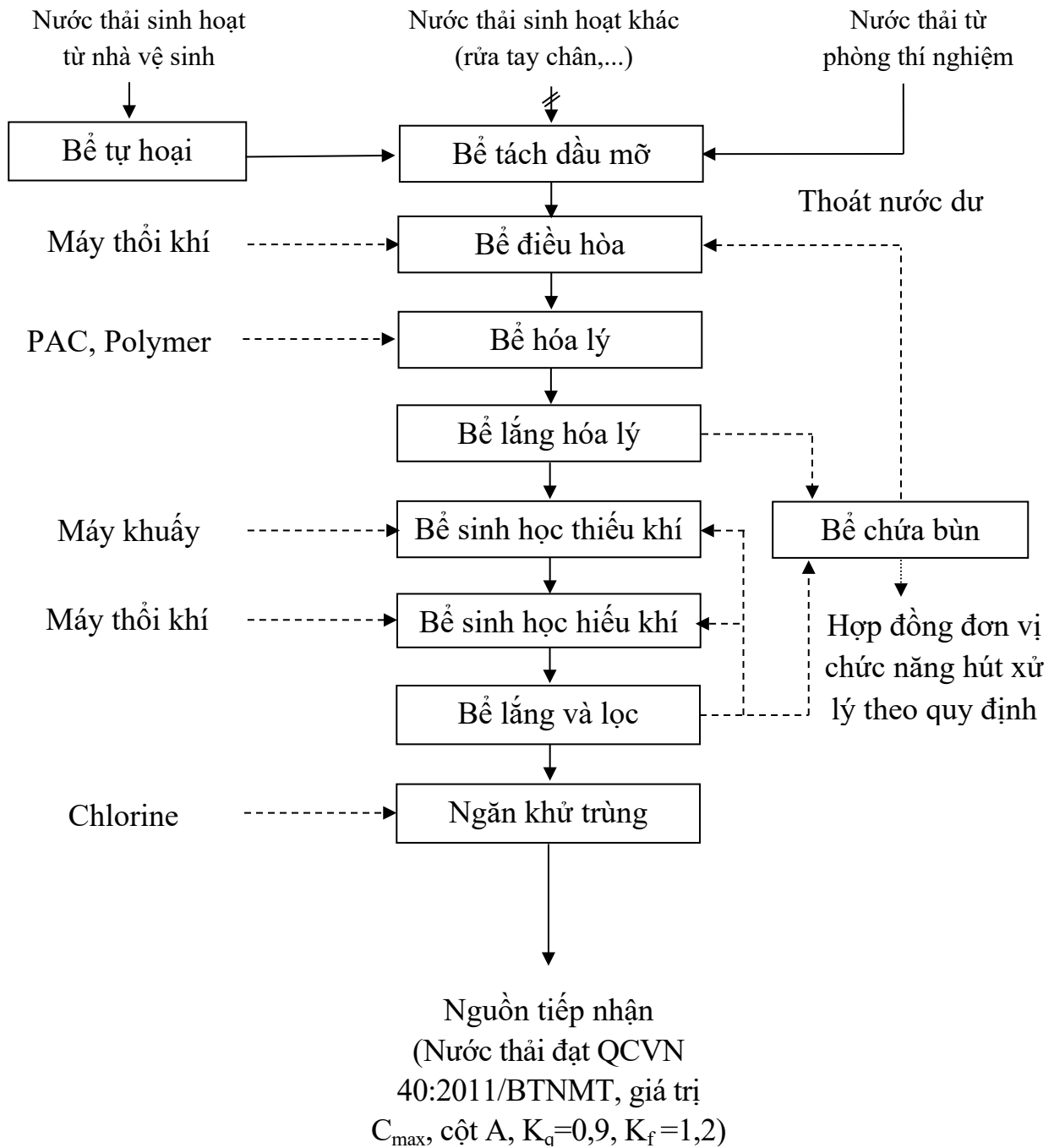
- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa Ø110-PVC về bể tự hoại 3 ngăn, tổng chiều dài khoảng 29,5m.

- Nước thải sinh hoạt khác (rửa tay chân, vệ sinh sàn nhà,...) được thu gom bằng đường ống nhựa Ø90-PVC, chiều dài khoảng 50m.

- Nước thải từ phòng thí nghiệm được thu gom bằng đường ống nhựa Ø90-PVC, chiều dài khoảng 23m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Sơ đồ khối hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) được trình bày ở hình sau:



* Tóm tắt công nghệ

Nước thải dự án được thu gom xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào HTXLNT. Tại các bể chức năng (bể tự hoại, bể lắng tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể hóa lý, bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí, bể lắng, khử trùng) của HTXLNT, các chất ô nhiễm sẽ được xử lý và khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị C_{max} , cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$) trước khi xả thải vào mương thoát nước.

** Kích thước và thể tích các bể xử lý*

Stt	Tên bể	Kích thước hiệu dụng L x W x H (m)	Thể tích hiệu dụng (m ³)	Thời gian lưu (giờ)
1	Bể tách dầu mỡ	1,0 x 0,5 x 1,87	0,93	-
2	Bể điều hòa	1,17 x 1,44 x 1,87	3,15	15,12
3	Bể hoá lý (keo tụ, tạo bông)	0,8 x 0,5 x 0,8	0,32	1,54
4	Bể lắng hoá lý	0,8 x 0,8 x 1,6	1,02	4,89
5	Bể sinh học thiếu khí (Anoxic)	1,05 x 0,72 x 1,87	1,41	6,77
6	Bể sinh học hiếu khí kết hợp giá thể MBBR			
6.1	Ngăn MBBR-A	1,05 x 0,72 x 1,87	1,41	6,77
6.2	Ngăn MBBR-B	0,7 x 1,44 x 1,87	1,88	9,02
7	Bể lắng, lọc và khử trùng	0,75 x 1,44 x 1,87	2,02	9,69
8	Bể chứa bùn	1,2 x 0,6 x 0,8	0,58	-

** Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho HTXLNT*

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Vị trí lắp đặt	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm nước thải chìm Công suất: 100w-220v	Bể điều hòa	Cái	01
2	Phao báo mực nước		Cái	01
3	Máy khuấy Công suất: 200w-220v	Bể hoá lý (keo tụ, tạo bông)	Cái	01
4	Bồn chứa hóa chất		Cái	01
6	Bơm định lượng hóa chất Công suất: 0,13kW-220v		Cái	03
7	Bơm Air-lift xả bùn	Bể lắng hóa lý	Cái	01
8	Giá thể vi sinh dạng thiếu khí cố định	Bể sinh học thiếu khí (Anoxic)	Cái	-
9	Hệ thống sục khí nhẹ dạng vi sinh thiếu khí		Hệ thống	01
10	Máy thổi khí Công suất 186w-220v	Bể sinh học hiếu khí kết hợp giá thể MBBR	Cái	02
11	Hệ thống sục khí mạnh dạng hiếu khí		Hệ thống	01

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Vị trí lắp đặt	Đơn vị	Số lượng
12	Bơm Air-lift tuần hoàn Lưu lượng: 0,42m ³ /h		Cái	01
13	Giá thể vi sinh hiếu khí lơ lửng MBBR		Cái	-
14	Bơm Air-lift tuần hoàn Lưu lượng: 0,21m ³ /h	Bể lắng, lọc và khử trùng	Cái	01
15	Vật liệu lọc hạt mang và hệ thống rửa lọc		Hệ thống	01
16	Bộ khử trùng Chlorine dạng viên nén		Bộ	01
17	Lớp vật liệu lọc (cát thạch anh, sỏi thạch anh)	Bể chứa bùn	-	-

** Nhu cầu hoá chất, chế phẩm vi sinh sử dụng*

Stt	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng
1	Vi sinh	kg/lần	0,3
2	Metanol	kg/lần	0,3
3	PAC	kg/lần	0,1
4	Polymer	kg/ngày	0,25
5	Chlorine dạng viên nén	kg/năm	29

1.3. Thoát nước thải

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị C_{max}, cột A, K_q=0,9, K_f=1,2) được dẫn bằng ống nhựa Ø90-PVC, chiều dài khoảng 250m dẫn theo trong mương thoát nước mưa (cách sông Hương khoảng 200m) sau đó chảy sông Hương, đoạn qua phường Thuỷ Xuân, thành phố Huế.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Sự cố cháy nổ: thực hiện nghiêm túc phương án phòng cháy chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

* Sự cố tại hệ thống thoát nước và xử lý nước thải:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các cụm bể thuộc HTXLNT; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố (sự cố máy bơm, sự cố liên quan đến vi sinh,...), Chủ dự án sẽ triển khai các biện pháp:

+ Bước 1: nước thải được thu gom lưu chứa tạm thời tại bể thu gom, bể điều hòa và khóa van dẫn nước thải đến các bể còn lại đồng thời khóa van xả thải.

+ Bước 2: bơm nước thải luân phiên các module để kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của HTXLNT.

+ Bước 3: sau khi kiểm tra hệ thống, thay thế máy móc thiết bị, Chủ dự án sẽ tiến hành bơm nước thải về HTXLNT để xử lý trước khi xả thải vào môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng.
- Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm: 90%.
- Kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành ổn định:

Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
Nước thải đầu ra của HTXLNT	Lưu lượng, pH, độ màu, COD, BOD ₅ , Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni, tổng Nitơ, tổng Photpho (tính theo P), Fe, Cu, Zn, Pb, As, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	03 đợt trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo)	Mẫu đơn	QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (giá trị C _{max} , cột A, Kq=0,9, Kf=1,2).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025).

3.3. Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng quy định về xả thải.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 98/GPMT-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của
UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: từ hoạt động của máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải, xử lý nước cấp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Trong phạm vi hoạt động của Dự án.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung của các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, Chủ dự án áp dụng các biện pháp như sau:
 - + Sử dụng máy móc hiện đại có hệ số giảm âm tốt để giảm tiếng ồn.
 - + Máy phát điện dự phòng đã được bố trí, thiết kế hệ thống tiêu âm.
 - + Phía ngoài máy phát điện được trang bị có lớp vỏ cách âm.

- + Trồng cây xanh xung quanh khu vực đặt máy phát điện.
- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc phục vụ quá trình xử lý nước cấp, thực hiện các biện pháp như sau:
 - + Các máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn và độ rung lớn được lắp đặt sâu dưới tầng hầm, trong các phòng kín, phòng cách âm.
 - + Các máy móc thiết bị gây ồn và rung lớn đều được lắp đặt trên nền bê tông phẳng và chắc chắn, bằng bê tông. Móng bê máy phải đúc đủ khối lượng, sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền. Lắp đặt lớp đệm cao su chân máy để giảm ồn và rung khi máy hoạt động.
 - + Thường xuyên kiểm tra rung động tại đế chân, là bộ phận chiếm đến 60% tiếng ồn và độ rung phát sinh.
 - + Bố trí một cây xanh tại các khu vực và xung quanh Dự án nhằm tạo cảnh quan cũng như giảm mức độ tác động của tiếng ồn đến các hộ dân xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ hiệu chuẩn, bảo dưỡng đối với các thiết bị, máy móc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 98/GPMT-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của
UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Chủng loại, khối lượng:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	5
2	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	16 01 08	5
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	60
4	Que hàn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	10
5	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	19 05 02	15
	Tổng cộng			95

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Thành phần: bao gồm chất hữu cơ và vô cơ, trong đó chủ yếu thức ăn thừa, các túi chất dẻo, giấy vụn, bao bì,...

- Khối lượng: 315 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Cát và bùn lắng tại bể lắng cát: 1,0-1,5 m³/tháng.

- Bao bì nilon, ống nhựa, máy bơm hỏng,... từ hoạt động bảo trì, sửa chữa: 150kg/tháng.

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước sạch: khoảng 400-450 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bùn thải

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng nhựa HDPE (thể tích 60 lít/thùng) để chứa chất thải nguy hại (CTNH), có dán tên, mã CTNH, dấu hiệu cảnh báo.

- Kho lưu chứa: diện tích 09m², nằm cách nhà điều hành khoảng 40m về hướng Tây Nam.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng (thể tích 200 lít/thùng) đặt tại nhà điều hành để chứa chất thải rắn (CTR) sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTR sinh hoạt.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Cát, bùn từ bể lắng cát: thu gom bằng cách dùng hệ thống bơm hút tự động tập kết tại khu vực lưu trữ CTR công nghiệp thông thường tại khu xử lý bùn; sau đó tận dụng để trồng cây trong phạm vi Nhà máy.

- Các loại bao bì nilon, ống nhựa, máy bơm hỏng,...: lưu trữ tại vị trí đựng chất thải tái chế; được tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở có nhu cầu.

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước sạch: theo quy định bùn thải của quá trình xử lý nước cấp là CTR công nghiệp thông thường. Sau khi bùn được làm khô đạt nồng độ khoảng 25-30%, Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định về CTR công nghiệp thông thường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025).

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 98/GPMT-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của
UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Theo Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên 120.000m³/ng.đ”, các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt mà Chủ dự án tiếp tục thực hiện, bao gồm:

1.1. Các hạng mục công trình chính

Stt	Hạng mục công trình	Công việc thực hiện
Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên		
I	Các hạng mục xây dựng giai đoạn 1	
1	Trạm bơm nước thô Vạn Niên 3	- Lắp đặt thêm thiết bị để đạt công suất 120.000m ³ /ng.đ.
2	Khối xử lý lắng lọc 120.000m ³ /ngđ	- Lắp đặt thêm thiết bị để đạt công suất 120.000m ³ /ng.đ.
3	Nhà trung bày bảo tàng nước	- Xây dựng.
4	Nhà điều hành, phòng thí nghiệm, phòng điều khiển SCADA, phòng trung bày	- Lắp đặt thêm thiết bị để đạt công suất 120.000m ³ /ng.đ.
5	Nhà hóa chất	- Lắp đặt thêm công nghệ, thiết bị để đạt công suất 120.000m ³ /ngđ.
6	Khu trung bày ngoài trời	- Xây dựng.
7	Bãi đỗ xe, đường giao thông nội bộ	- Tiếp tục xây dựng đường nội bộ. - Bãi đỗ xe: xây dựng.
8	Nhà bảo vệ	- Xây dựng.

Stt	Hạng mục công trình	Công việc thực hiện
II	Các hạng mục xây dựng giai đoạn 2	
1	Xây dựng bể chứa nước sạch 60.000m ³ (2 đơn nguyên) và các hạng mục phụ trợ như: hàng rào, sân vườn, đường nội bộ tại đồi Quảng Tế.	- Xây dựng.

1.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Khu xử lý nước thải sản xuất bao gồm bể thu hồi bùn, máy hút bùn và sân phơi bùn tại thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế: xây dựng sân phơi bùn số 1, 2, 3.

- Trồng cây xanh tại khu đất của dự án thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế.

2. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp quản lý CTR, CTNH, nước thải, khí thải, tiếng ồn và sự cố môi trường trong quá trình xây dựng các hạng mục còn lại của Dự án theo Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của UBND thành phố Huế về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên 120.000m³/ng.đ”.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần cấp nước Huế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về môi trường; chuyển giao chất thải phát sinh: CTNH (không được cấp phép xử lý), CTR công nghiệp thông thường (ngoại trừ chất thải có ký hiệu TT-R), CTR sinh hoạt cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định để xử lý; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025).

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp và phải có hệ thống quản

lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.